

互恵・対等な人材交流を目指して

Hướng tới mục tiêu trao đổi nhân sự bình đẳng và cùng có lợi
～ゼロフィーに向けての期待～
Kỳ vọng mức phí 0 đồng



EDUCATIONAL SUPPORT

認定特定非営利活動法人 日本国際親善協会

Tổ chức phi lợi nhuận chi định được ủy quyền
Hiệp hội hữu nghị quốc tế Nhật Bản

池田節子
Ikeda Setsuko

日越人材育成交流フォーラム in ハノイ2023
人材交流の適正化～国際スタンダードのリクルートをめざす～
2023年4月5日 National Convention Center

Đại diện trao đổi phát triển nguồn nhân lực Nhật-Việt tại Hà Nội 2023
Trao đổi nguồn nhân lực phù hợp -Hướng đến tuyển dụng chuẩn quốc tế
Ngày 5 tháng 4 năm 2023 Trung tâm Hội nghị Quốc gia

技能実習生の5分の1を占めるハティン・ゲアン両省の技能実習生の負担額がなぜ高いのか？ Vi sao thực tập sinh kỹ năng đến từ Hà Tĩnh và Nghệ An, chiếm 1/5 tổng số thực tập sinh kỹ năng, lại phải trả phí cao?

北中部出身実習生の負担額が高い主な理由
 ①通訳なし体制に乏しく、プロトコール等の不適切な誤りが未だ多い
 ②送り出し機関がリクルーターを多用し、草刈り費となっている
 ③旅費・食事費・地元有力者、仲介者等、それらの費用で未だに譲る金が日常化している（各段階での仲介料金・手数料）
 ④頻発する水害等により貧しい農村地域であるため、借金が多く、高額の借金をするため、今までの借金を清算する必要がある（旅費・交通費嵩む）
 ⑤既往歴で教育する結果出稼げなく、日本語学校が少ないので高額な専門英語訳定書が横行
 ⑥農業以外の前職経験が得られないため高額な専門英語訳定書が横行
 ⑦二国間確定式や通牒式に基づく手数料等の制度が実施していない

Nguyên nhân chính khiến chi phí thực tập sinh ở Bắc Trung Bộ cao
 (1) Thiếu thông tin về quy trình và thủ tục nhận lời ứng tuyển phù hợp từ các nhà môi giới, v.v.
 (2) Các nhà môi giới thường không minh bạch về việc quyền lợi của TTS khi bắt đầu
 (3) TTS thường vẫn tồn tại tình trạng tự tìm cách em cho họ hàn gắn, giao tiếp, người có thể lùi đà địa phương, người môi giới (trí tuệ môi giới), các loài chi phí như những người trên.
 (4) Vì lý do kinh nghiệm thường xuyên xảy ra lừa lừa... nên nó nhanh chóng chán, cần thay đổi hoàn thiện hơn nhằm
 (5) Không có chế độ, phai cùi cưa cũng gặp đặc dị địa phương và có rất ít trường dạy tiếng Nhật (chỉ phi ký túc xá và chi phí là lát tảng)
 (6) Giúp chúng nhận nhiệm làm già dìu dặt trên lán vì họ không thể có được kinh nghiệm làm việc trước đó ngoài nông nghiệp
 (7) Các quy định về phí, v.v. dựa trên thỏa thuận song phương và quy định chưa thấu đáo



立社会保険・人口問題研究所 国際関係部長 是川タツオ
「アジアの労働市場・移民労働の現状」より引用
Ông Yu Korekawa, Giám đốc Quan hệ Quốc tế, Viện Nghiên cứu Dân số và An sinh Xã hội Quốc gia Trích từ "Hiện trạng thị trường lao động và lao động di cư ở châu Á"



JIFA

Hiệp tâm vun đắp tình yêu vì trẻ em thế giới

Từ người đến người
Từ bàn tay đến bàn tay
Từ trái tim đến trái tim

Xúc tiến dự án Phi 0 đồng

Không phải trả các loại phí, không mang gánh nặng nợ nần mà vẫn yên tâm sang
Nhật học tập và làm việc

Nhật Bản và Việt Nam đang thúc đẩy chương trình hoạt động không phí theo tiêu chuẩn lao động quốc tế, cải thiện tình trạng phải trả chi phí cao, mang gánh nặng nợ nần tiền lớn của thanh niên Việt Nam khi sang Nhật. JIFA cũng đã và đang thực hiện chương trình này, kết nối với JICA (Tổ chức hợp tác Quốc tế), VAMAS (Hiệp hội XKLD Việt Nam), Đại sứ quán Nhật Bản tổ chức Hội thảo giao lưu đặc biệt nguồn nhân lực Nhật Việt - Hướng tới tiêu chuẩn tuyển dụng Quốc tế - tháng 4 năm 2023 tại Hà Nội. Tại Hà Tĩnh, JIFA liên kết với OHDAS (Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam) thực hiện dự án Phi 0 đồng.

Hỗ trợ trao học bổng cho học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn tiếp tục đến trường

Dựa trên sự nhất trí giữa Sở GD&ĐT Hà Tĩnh và JIFA, JIFA đang triển khai các hoạt động trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn cha mẹ đã mất hoặc bị đau ốm nhưng hiếu học và có thành tích học tập xuất sắc, trao mỗi em 10,000 yên/năm đến khi em tốt nghiệp PTTH từ số tiền quyên góp được của các nhà tài trợ hảo tâm.



契約に基づいて外国で働くベトナム人労働者に関する法律 主な改正内容 Pháp luật liên quan đến người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng Nội dung sửa đổi chính

日本の場合

Đối với Nhật Bản

仲介契約に伴う報酬上限 0 VND

労働者による寄託金の上限 0 VND

Giới hạn trên của thù lao liên quan đến hợp đồng mỗi giới 0 VND
Tiền ký quỹ tối đa của người lao động 0 VND

改正前 Trước sửa đổi

仲介手数料
Tiền môi giới

法に適合しない
サービス手数料
(規定なし)
Phi dịch vụ bất hợp
pháp(Không quy tắc)

手数料上限
3,600USD
Giới hạn phí
3,600USD

「受入国側が送出し機関に
支払う費用」は通常により、「管理費として月額
5,000円以上(介護は
10,000円以上)」
「Chi phí do quốc gia tiếp nhận
trả cho tổ chức phi cá nhân
được quy định là “phi quản lý từ 5,000
yên trở lên mỗi tháng (10,000
yên trở lên đối với điều dưỡng).”

改正後
Sau sửa đổi

(例) 賃金16万円/月 送出し管理費5,000円/月
(Vi du) Lương 160,000 yên
hàng Phi quản lý 5,000 yên/tháng

さらにゼロフィーに向けた努力
Nỗ lực hơn nữa tiết kiệm phí 0 đồng

受入国側負担 + α
Nước tiếp nhận trả + α

受入国側負担
18万円
Nước tiếp nhận trả 18man

受入国側負担
18万円
Nước tiếp nhận trả 18man
実習生負担
30万円
TTS trả 30man

実習生負担
TTs chi trả

手数料上限
3ヶ月の賃金
(48万円)
Giới hạn phí/tháng
(480,000 yên)



「アジアの労働市場・移民労働の現状」より引用
Ông Yu Korekawa, Giám đốc Quan hệ Quốc tế, Viện Nghiên cứu Dân số và An sinh Xã hội Quốc gia Trích từ "Hiện trạng thị trường lao động và lao động di cư ở châu Á"

